TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DSPT
Ngày: 22/12/2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai; Bà Vũ Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Trang - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 20/10/2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2022/QĐ-PT ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lưu Hồ Loan và ông Bùi Minh Đại, luật sư công ty luật TNHH Sao Thủ Đô, đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 170, Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, tp Hà Nội (đều có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Bà L: Ông Nguyễn Phúc Tr, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 7, ngách 38, ngõ 26, đường C, phường P, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt).
2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1994 (vắng mặt).
3. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (có mặt).

4. Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: *Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Gia đình bà hiện đang sử dụng thửa đất số 179, tờ bản đồ địa chính số 32 tại Thôn C, xã C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là thửa đất số 179) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) năm 2000 với diện tích tự kê khai là 295m^2. Đến năm 2003, khi Nhà nước tiến hành đo đạc lại để lập hồ sơ địa chính thì thửa đất có diện tích 375m^2. Thửa đất có phía Đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Tích, phía Bắc giáp phần ao của tập thể, phía Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị Thủy và thửa đất số 180 của Bà Nguyễn Thị L, phía Nam giáp đường bê tông của thôn.

Nguồn gốc thửa đất: Do vợ chồng bà mua lại của ông Nguyễn Văn Tích và bà Trần Thị La từ năm 1990. Vợ chồng bà sử dụng đến năm 2019 không có tranh chấp với các hộ liền kề. Trước kia, ranh giới giữa đất nhà bà với đất nhà bà Thủy là bức tường vành lao. Đến năm 2019, khi bà làm nhà bà đã phá đi để thi công nhà. Khi thi công hai bên không có tranh chấp gì. Đối với phần ranh giới giữa nhà bà và nhà Bà L trước kia Bà L có xây một căn nhà ngang quay lưng về phía nhà bà. Đến khoảng năm 2009 Bà L đã phá đi và xây gian bếp như hiện nay. Do nhà Bà L và nhà bà ngăn cách bởi bức tường bếp nên vẫn coi bức tường đó là ranh giới ngăn cách giữa hai nhà. Thời điểm năm 1990, sau khi mua đất của ông Tích thì bà có xây cổng ngõ và một bức tường cao khoảng 1,5m, dài khoảng hơn một mét từ cổng nhà bà chạy vào trong sát với bức tường nhà ngang của Bà L. Do phần tiếp theo có tường bếp của nhà Bà L nên không xây nữa, bức tường đó đến nay vẫn còn.

Về diện tích đất tranh chấp giữa nhà bà với nhà Bà L: Kể từ thời điểm trước năm 2019, gia đình bà sử dụng đất ổn định không có tranh chấp với các hộ liền kề. Đến năm 2019, bà có phá nhà cũ và xây một ngôi nhà hai tầng mái thái. Sau khi xây nhà xong bà có xây một bức tường để ngăn phần đất giữa nhà bà với nhà Bà L thì xảy ra tranh chấp. Bức tường bà xây chạy cạnh đường ống nước ở cạnh chân tường nhà và cách tường nhà Bà L khoảng 20cm, xây chạy ra đến điểm đầu của bức tường ngoài cổng ngõ đã xây dở từ trước. Theo bà, việc gia đình bà xây tường như thế là cũng đã lùi vào so với ranh giới đất giữa hai nhà nhưng phía Bà L không chấp nhận. Bà L không cho bà xây tường mà nói phần đất đó là phần đất của nhà Bà L. Bà L cho rằng phần móng của nhà bà đã xây lấn sang đất nhà Bà L. Đất của nhà Bà L tính từ bức tường của nhà bà xây hiện giờ lùi vào khoảng 20cm lấy điểm

mốc đó hất về phía nhà Bà L là đất của Bà L. Sự việc tranh chấp của hai gia đình đã được thôn cũng như UBND xã C hòa giải nhưng không có kết quả.

Bà Đ xác định ranh giới đất giữa nhà bà với nhà Bà L ở hướng Nam giáp đường bê tông là bức tường tiếp giáp với bức tường bếp nhà Bà L mà bà đã xây từ năm 1990. Còn điểm mốc giới ở góc tường nhà trần là điểm cách nhà bà khoảng 40cm. Bà đề nghị Tòa án xác định ranh giới đất giữa hai nhà và buộc Bà L phải để cho bà được sử dụng phần diện tích đất thuộc về gia đình bà mà không được ngăn cản, tranh chấp.

Phía bị đơn là Bà Nguyễn Thị L sau khi Tòa án thụ lý vụ án và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành làm việc với Bà L nhiều lần xong Bà L không hợp tác, luôn gây khó khăn và không chấp hành các quy định tố tụng. Tại buổi làm việc ngày 10/3/2021, Bà L trình bày: Gia đình bà sử dụng thửa đất số 180 từ trước thời điểm Bà Đ mua đất của nhà ông Tích. Theo bà, ranh giới đất giữa nhà bà với nhà Bà Đ không phải đến chân tường bếp nhà bà như Bà Đ trình bày mà phải cách tường bếp một khoảng do khi làm bếp nhà bà có chừa phần giọt gianh. Theo bà, ranh giới đất nhà bà phải đến điểm cách mép tường nhà Bà Đ lùi vào trong khoảng 20cm. Việc này bà cũng đã trình bày khi giải quyết tranh chấp tại thôn, xã. Bà Đ đã thừa nhận ranh giới như bà vừa khai và hai bên đã vạch một điểm đỏ trên tường nhà Bà Đ để làm mốc giới. Bà cũng có ý kiến là việc này thôn xã đã giải quyết xong nên Tòa án không được giải quyết nữa.

Tại buổi làm việc ngày 10/8/2021, Bà L trình bày: Năm 2016, bà đã phá ngôi nhà ngang để xây bếp như bây giờ. Phần bếp được xây dựng trên nền nhà ngang cũ. Khi xây bếp thì hai gia đình cũng không có tranh chấp. Còn đoạn tường như Bà Đ trình bày thì đây là đoạn tường nhà bà xây vào khoảng năm 1988 - 1989. Khi đó phần nhà ngang này bị mưa ẩm mốc nên bà đã nhờ ông Thuần là chồng Bà Đ xây giúp chứ không phải Bà Đ xây. Ngoài ra, Bà L không chấp hành bất cứ việc gì khác.

Nay Bà Đ đề nghị Tòa án xác định ranh giới đất là điểm tiếp giáp của bức tường xây khoảng năm 1990 ở phía cuối đường bê tông và điểm cách tường nhà Bà Đ khoảng 40cm ở phía cuối đất. Bà Đ yêu cầu bà trả lại diện tích đất này để xây tường ngăn như Bà Đ trình bày thì bà không nhất trí. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Vũ Văn T và Chị Trần Thị Y trình bày: Anh, chị nhất trí với ý kiến trình bày của mẹ anh chị là Bà Đ. Anh chị đề nghị Tòa án xác định ranh giới đất giữa hai nhà, yêu cầu Bà L phải thực hiện sử dụng đúng mốc giới và để cho gia đình anh chị được sử dụng đúng mốc giới từ khi bố mẹ anh chị mua đất.

Chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị nhất trí với ý kiến của mẹ chị là bà Trần Thị La. Việc Bà Đ khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Bà Đ, bảo vệ quyền lợi của gia đình chị.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất có tranh chấp xong Bà L không hợp tác nên khi tiến hành đo đạc không có sự chỉ đạc của Bà L.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được điểm ở góc tường xây có vị trí tọa độ là X= 577277.7100; Y= 2337249.1600 điểm ở góc tường nhà trần có vị trí X= 577278.3700; Y= 2337256.0900 và cách mép tường nhà Bà Đ một khoảng 0.38cm về hướng đất nhà Bà L. Điểm nối hai điểm tọa độ trên trùng với ranh giới đất theo bản đồ địa chính lập năm 2003 và cách tường nhà bếp nhà Bà L khoảng cách là 10cm. Diện tích đất có tranh chấp: Lấy hai điểm đo trên với điểm đặt mốc là điểm mép ngoài với bức tiền xây liền với trụ cổng nhà Bà Đ; điểm mốc là điểm mép ngoài của tường nhà Bà Đ xác định được diện tích phần giới hạn của 4 điểm này là 4,6m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/7/2021 Bà L trình bày: Khi bà làm nhà ngang có chừa phần giọt gianh, phần nhà ngang có xây móng đá cổ bên dưới. Hiện nay phần móng đá vẫn còn. Bà đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, đào phần móng đá để tiến hành xác định ranh giới giữa hai nhà, phần móng đá đến đâu thì đất nhà bà đến đó.

Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu Bà L nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xem có móng đá hay không nhưng Bà L không nhận thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cũng như không nộp tiền tạm ứng. Bà L có đơn kiến nghị với nội dung: "Tôi không chấp nhận nộp tiền chi phí thẩm định. Tôi chỉ có yêu cầu trước Tòa lập biên bản hai bên cùng ký nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi đã đề nghị với ông thẩm phán ngay từ lúc thụ lý hồ sơ, đất của tôi có mốc giới, tòa phải có trách nhiệm điều tra".

Bà L đã tiến hành tự đào móng và ghi giấy xác nhận về việc bà và chị Thủy đã tự đào mòng và có sự chứng kiến của nhân dân cùng thôn, có xác nhận của cụ Nguyễn Thị Tục.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 227; 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166; 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Đ.

1.1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của hộ gia đình Bà Nguyễn Thị Đ và hộ gia đình Bà Nguyễn Thị L là đường thẳng nối từ điểm mốc A đến điểm mốc B theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo.

1.2. Bà Đ và Bà L được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của hai nhà và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

1.3. Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước đăng ký biến động theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 11/7/2022 Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân Quang kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm; xem xét lại ranh giới sử dụng đất giữa nhà Bà L và nhà Bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Thửa đất số 179 có nguồn gốc do gia đình Bà Đ mua của bà Trần Thị La, ông Nguyễn Văn Tích vào năm 1990 với diện tích khi được cấp GCNQSDĐ năm 2000 là 295m^2. Đến năm 2003, nhà nước đo đạc lại thì thửa đất có diện tích 375m^2. Có sự tăng lên về diện tích này là do khi làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ các hộ tự kê khai sau đó năm 2003 nhà nước đo đạc lại bằng máy nên diện tích có sự chênh lệch.

Gia đình Bà L sử dụng diện tích đất từ trước năm 1985, diện tích của gia đình Bà L trước đây bao gồm cả diện tích của gia đình chị Thủy hiện đang sử dụng. Sau đó, Bà L và chồng ly hôn, chồng bà bán phần diện tích đất của chồng bà được chia cho chị Thủy, còn Bà L sử dụng thửa đất số 180, tờ bản đồ số 32, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2003 thì thửa đất này hiện nay có diện tích 208m^2.

Như vậy, so với GCNQSDĐ được cấp của hộ gia đình Bà L và Bà Đ thì diện tích đất sử dụng của hai hộ gia đình đều tăng lên nhưng việc tăng lên này là do khi được cấp GCNQSDĐ diện tích các hộ tự kê khai nhưng đến năm 2003, nhà nước tiến hành đo đạc chính quy thì cả hai thửa diện tích đều tăng lên nhưng khi đo đạc các hộ đều không có tranh chấp và đo theo hiện trạng thực tế sử dụng nên đây không phải căn cứ để xác định có việc lấn chiếm giữa hai hộ.

Theo Bà Đ thì ranh giới sử dụng đất giữa gia đình bà và gia đình Bà L là bức tường do Bà Đ xây dựng năm 1990 kéo dài từ phía ngoài đường tiếp giáp tường nhà cấp 4 của nhà Bà L cho đến cuối đất giáp nhà chị Thủy. Còn theo Bà L ranh giới sử dụng đất giữa hai nhà không phải là bức tường như Bà Đ trình bày mà bức tường đó chỉ là do chồng Bà Đ và em chồng Bà Đ xây giúp để tránh nước mưa chảy vào nhà bà ngày xưa. Khi xây dựng nhà ngang nhà Bà L đã chừa phần giọt ranh là một khoảng đất là từ chân tường nhà cấp 4 nhà bà còn một khoảng trống chứ bà không làm hết đất. Phần giọt ranh của gia đình bà rộng bằng chiều rộng cánh cửa sổ nhưng hiện nay cánh cửa sổ không còn vì năm 2016 Bà L đã phá nhà cũ xây bếp trên nền móng cũ. Theo Bà L trình bày tại phiên tòa hiện nay gia đình bà còn phần móng cũ là móng đá. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Bà L nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng Bà L không nộp mà Bà L tự đào móng và chụp ảnh gửi cho Hội đồng xét xử sơ thẩm. Theo bản ảnh mà Bà L cung cấp thì dấu tích móng không phải là móng đá như Bà L trình bày mà đó là móng gạch. Chứng cứ nữa Bà L đưa ra ranh giới đất nhà bà là vạch đỏ trên tường nhà Bà Đ. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của Bà L mà không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh cho việc Bà L trình bày ranh giới sử dụng đất của nhà bà đến vạch đỏ trên tường hai tầng nhà Bà Đ. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đ là có căn cứ.

Sau khi bản án sơ thẩm xử Bà L kháng cáo. Xét kháng cáo của Bà L Hội đồng xét xử thấy:

- Thứ nhất, Bà L cho rằng Tòa án nhân dân huyện Quế Võ đã vi phạm tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể, ngày 20/6/2022, bà đến Tòa án nhân dân huyện Quế Võ tham dự phiên tòa với tư cách là bị đơn nhưng Thẩm phán phụ trách bảo bà đi về và ngày 28/6/2022 quay lại tham dự phiên tòa mà không xuất trình bất kỳ văn bản nào cho bà được biết về việc hoãn phiên tòa đồng thời bà

cũng không biết được lý do cụ thể của việc hoãn phiên tòa là gì. Đây là hành vi vi phạm tố tụng dân sự theo khoản 3 Điều 233 Bộ luật dân sự. Xét kháng cáo này của Bà L thì thấy: Bà L cho rằng Thẩm phán không cho bà biết lý do hoãn phiên tòa và không có lý do hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa ngày 20/6/2022 cũng như quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QDSST- DS ngày 20/6/2022 đều thể hiện rõ Bà L có mặt và có được Chủ tọa phiên tòa hỏi về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hơn nữa, Bà L cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh về việc bà chỉ được Thẩm phán bảo đi về do đó, kháng cáo này của Bà L là không có cơ sở để chấp nhận.

- Thứ hai, Bà L không đồng ý với nhận định và quyết định tuyên xử của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ. Như đã phân tích ở phần trên, Bà L cho rằng phần đất đang tranh chấp gia đình Bà L có xây móng đá nhưng Bà L không có căn cứ nào chứng minh đó là móng đá và theo bản ảnh mà Bà L nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm khi Bà L tự đào móng nhà Bà L lên thì đó là móng gạch chứ không phải móng đá như Bà L trình bày.

Từ những phân tích trên có thể thấy, bản án sơ thẩm xử là đúng quy định của pháp luật. Bà L kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của Bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[3] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà L kháng cáo không được chấp nhận nên Bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005198 ngày 11/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *TAND huyện Quế Võ;*
- *Chi cục THADS huyện Quế Võ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình